

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 02-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Lê Thanh Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng P; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phước Phi B, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng p, Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: ấp C, Thị trấn H, Huyện M, Tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy uỷ ngày 26 tháng 10 năm 2023 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N; Địa chỉ: ấp Phước An B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2023, cũng như trong quá trình

giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng P ông Trần Phước Phi B trình bày:

Ngày 07 tháng 11 năm 2006 ông Phạm Văn N đã ký v Ngân hàng P hợp đồng để vay số tiền vay: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); thời hạn vay: 24 tháng; Phương thức cho vay: ủy thác qua các tổ chức chính trị cấp xã, dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân xã; kỳ hạn trả nợ: Trả gốc 12 tháng/1 lần, trả lãi hàng tháng vào ngày 20; Mục đích sử dụng vốn vay: Nuôi heo; Lãi suất cho vay: 0,65%/ tháng (7,8%/năm); Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay; Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo; Chương trình cho vay: Hộ nghèo.

Ông Phạm Văn N đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), theo thỏa thuận tiền lãi vay được trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, tiền vốn vay đối với chương trình cho vay Hộ nghèo trả nợ 12 tháng 01 lần từ sau khi nhận tiền vay. Tính đến ngày 02 tháng 01 năm 2024 ông Phạm Văn N đóng tiền lãi được 247.390 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng), còn nợ tiền lãi: 10.320.846 đồng (trong đó: **tiền lãi trong hạn: 5.208.342 đồng; tiền lãi quá hạn: 5.112.505 đồng**) và chưa thanh toán số tiền gốc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Theo hợp đồng vay, ông Phạm Văn N phải trả tất số vốn đối với khoản vay trên vào ngày 20 tháng 10 năm 2008, nhưng đến nay ông Phạm Văn N vẫn không thực hiện trả nợ theo hợp đồng, không thực hiện đóng lãi cho khoản vay nêu trên theo đúng quy định. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỹ Tú phối hợp cùng chính quyền địa phương xã Mỹ Phước đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Phạm Văn N thanh toán khoản nợ vay trên, nhưng ông Nê vẫn không thanh toán cho Ngân hàng P.

Nay nguyên đơn Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn N trả cho Ngân hàng P khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 02 tháng 01 năm 2024 với tổng số tiền là: 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: nợ tiền gốc: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), nợ lãi: 10.320.846 đồng (Mười triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng) và tiếp tục tính lãi phát cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chưa thanh toán nợ ông Phạm Văn N phải chịu lãi suất nợ quá hạn và chịu các loại phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay theo hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn N sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bị đơn ông Phạm Văn N nhưng bị đơn ông Phạm Văn N không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bị đơn ông Phạm Văn N vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như:

Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P, buộc bị đơn ông Phạm Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 là: 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: nợ tiền gốc: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), nợ lãi: 10.320.846 đồng (Mười triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ngân hàng P nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn N trả số tiền vay tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo sổ vay vốn; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 18 tháng 10 năm 2010; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 19 tháng 11 năm 2011; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2015 thì bị đơn ông Phạm Văn N còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: tiền gốc là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 5.208.342 đồng (Năm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn: 5.112.505 đồng (năm triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng) và tiền lãi phát sinh

trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả tất nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn N, có địa chỉ tại ấp Phước An B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P. Hội đồng xét xử thấy rằng theo sổ vay vốn; sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 18 tháng 10 năm 2010; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 19 tháng 11 năm 2011; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2015, cụ thể như sau: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); thời hạn vay: 24 tháng; Phương thức cho vay: ủy thác qua các tổ chức chính trị cấp xã, dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân xã; kỳ hạn trả nợ: Trả gốc 12 tháng/1 lần, trả lãi hàng tháng vào ngày 20; Mục đích sử dụng vốn vay: Nuôi heo; Lãi suất cho vay: 0,65%/ tháng (7,8%/năm); Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay; Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo; Chương trình cho vay: Hộ nghèo. Nguyên đơn Ngân hàng P cung cấp được cho Tòa án sổ vay vốn; sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 18 tháng 10 năm 2010; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 19 tháng 11 năm 2011; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đều có chữ ký, chữ viết của bị đơn ông Phạm Văn N.

Sau khi ký kết hợp đồng, đối với hợp đồng cho vay, bị đơn ông Phạm Văn N đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi vay vốn thì bị đơn ông Phạm Văn N đã thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng P được tiền lãi là: 247.390 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng), chưa trả tiền gốc 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn ông Phạm Văn N có giao kết hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng P để vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo sổ vay vốn; sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 18 tháng 10 năm 2010; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 19 tháng 11 năm 2011; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2015. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn ông Phạm Văn N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết. Tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 thì bị đơn ông Phạm Văn N trả được tiền lãi 247.390 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng), như vậy bị

đơn ông Phạm Văn N không thực hiện việc trả vốn và lãi đúng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

Hiện nay, bị đơn ông Phạm Văn N còn nợ của nguyên đơn Ngân hàng P tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với hợp đồng theo sổ vay vốn; sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 18 tháng 10 năm 2010; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 19 tháng 11 năm 2011; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 16 tháng 11 năm 2015, tổng cộng là: 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: tiền gốc là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 5.208.342 đồng (Năm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn: 5.112.505 đồng (năm triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng).

Xét thấy, bị đơn ông Phạm Văn N đã nhận tiền gốc vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận. Tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 bị đơn ông Phạm Văn N thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng P tiền lãi là 247.390 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng), chưa trả tiền gốc 7.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận giữa nguyên đơn Ngân hàng P và bị đơn ông Phạm Văn N đã ký kết. Vì vậy, cần buộc bị đơn ông Phạm Văn N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng P số tiền gốc vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ngân hàng P yêu cầu tính lãi suất trong hạn 7,8%/năm, lãi quá hạn 10.14%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể nợ lãi tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 là 10.320.846 đồng (Mười triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó: tiền lãi trong hạn là 5.208.342 đồng (Năm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn là 5.112.505 đồng (Năm triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bị đơn ông Phạm Văn N phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng P là: 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó: tiền tiền gốc là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 5.208.342 đồng (Năm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn là 5.112.505 đồng (Năm triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng P được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng P số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 02 tháng 01 năm 2024 tiền gốc vay và tiền lãi là: 17.320.846 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng), cụ thể: tiền gốc là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); tiền lãi trong hạn: 5.208.342 đồng (Năm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn: 5.112.505 đồng (năm triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 bị đơn ông Phạm Văn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn 10.14%/năm của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất bị đơn ông Phạm Văn N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng P cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng P.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Phạm Văn N phải chịu án phí số tiền 866.042 đồng (*Tám trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng*).

Ngân hàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng P số tiền án phí đã nộp là 423.635 đồng (*Bốn trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0010736 ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

